

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc mức thu phí học lại năm học 2022-2023 các khóa

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ/TTg ngày 10/10/2000 của Chính phủ về việc thay đổi tổ chức Đại Học Quốc Gia TP.Hồ Chí Minh, tách trường Đại Học Luật TP.Hồ Chí Minh thành một trường độc lập trực thuộc Bộ Giáo Dục và Đào Tạo;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18/04/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 08/10/2021 của Hội đồng Trường về việc thông qua chính sách học phí (sửa đổi) các chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính Phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 – 2023;

Xét đề nghị của Trường phòng Tài Chính-Kế toán,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Mức thu phí học lại năm học 2022-2023 các khóa như sau.

STT	Hệ đào tạo	Phí HL 01 tín chỉ
1	2	3
<b>I</b>	<b>CHÍNH QUY K 43, 44, 45 và các khóa trước</b>	
1	CQ VB1	520.000
2	CQ QTL VB1	460.000
3	CQ CLC K44-45 (ngành Luật, Quản trị luật, Quản trị kinh doanh)	1.300.000
4	CQ CLC QTL K43	1.250.000
5	CQ CLC QTL K 44, 45	1.290.000
6	Anh văn pháp lý K44, 45, 46	1.030.000
<b>II</b>	<b>CHÍNH QUY K 46, 47</b>	
1	CQ VB1 (ngành Luật, Quản trị kinh doanh)	520.000
2	CQ VB1 QTL K46, 47	460.000
3	CQ CLC K46, 47 (ngành Luật, Quản trị kinh doanh)	1.300.000
4	CQ CLC QTL K46, 47	1.290.000

5	CQ CLC Tiếng Anh K46, 47	4.380.000
6	Anh văn pháp lý tất cả các khóa	1.030.000
<b>III</b>	<b>CQ VB2</b>	
1	CQ VB2	770.000
<b>IV</b>	<b>VLVH các khóa tuyển sinh từ 2020-2021 trở về trước</b>	
1	VLVH VB1 4 năm tại trường	580.000
2	VLVH CLC 4 năm	580.000
3	VLVH NCXH VB 1 4 năm	580.000
4	VLVH VB2 3 năm tại trường	700.000
5	VLVH VB2 3 năm NCXH	700.000
<b>IV</b>	<b>VLVH các khóa tuyển sinh từ 2021-2022 và các khóa sau</b>	
1	VLVH VB1 4,5 năm tại trường	650.000
2	VLVH CLC 4,5 năm	650.000
3	VLVH NCXH VB 1 4,5 năm	650.000
4	VLVH VB2 3 năm tại trường	700.000
5	VLVH VB2 3 năm NCXH	700.000
<b>V. SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI CÁC KHÓA TUYỂN SINH TỪ 2020-2021 VÀ CÁC KHÓA TRƯỚC</b>		
1	CQ VB1 nước ngoài	795.000
2	VLVH VB1 nước ngoài	795.000
3	CQ CLC nước ngoài	1.300.000
4	CQ VB2 nước ngoài	770.000
5	VLVH VB2 nước ngoài	770.000
6	SV Lào - Sở GDĐT TP.HCM -	520.000
<b>VI. SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI CÁC KHÓA TUYỂN SINH TỪ 2021-2022 VÀ CÁC KHÓA SAU</b>		
1	CQ VB1 nước ngoài	795.000
2	VLVH VB1 nước ngoài	795.000
3	CQ CLC nước ngoài	1.300.000
4	CQ VB2 nước ngoài	770.000
5	VLVH VB2 nước ngoài	770.000
6	SV Lào - Sở GDĐT TP.HCM -	520.000

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mức thu học phí trên áp dụng cho năm học 2022-2023. Quyết định này thay thế Quyết định số 1183/QĐ-ĐHL ngày 11/10/2022 về việc mức thu phí học lại năm học 2022-2023 các khóa.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng Phòng Đào Tạo, Trưởng Phòng Công Tác Sinh Viên, Trưởng các Khoa và sinh viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám Hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT.

